UBND XÃ DIỄN CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN CHÂU 2

Phụ lục 01

KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ 4-5 TUỔI
NĂM HỌC 2026 – 2027

(Kèm theo Kế hoạch số 76 /KH-MNDC2 ngày 30 tháng 09 năm 2026 của Trường Mầm non Diễn châu 2)

A. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ (4-5T)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện
1	**Trường mầm non Diễn Châu 2 thân yêu (3 tuần)**	Trường MN Diễn Châu 2 thân yêu	Tuần 1	7/9-11/9/2026
		Lớp học của bé	Tuần 2	14/9- 18/9/2026
		Bé vui đón tết trung thu	Tuần 3	21/9 -25/9/2026
2	**Bản thân Ngày hội 20/10 (4tuần)**	Bé tự giới thiệu về mình	Tuần 4	28/ - 02/10/2026
		Các giác quan của bé	Tuần 5	05/10 - 9/10/2026
		Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh	Tuần 6	12/10 - 16/10/2026
		Ngày vui của Bà và mẹ- Cô Giáo(20/10)	Tuần 7	19/10- 23/10/2026
3	**Gia đình yêu thương (4 tuần)**	Ngôi nhà thân yêu của bé	Tuần 8	26/10 - 30/10/2026
		Gia đình của bé	Tuần 9	02/11- 06/11/2026
		Đồ dùng trong gia đình bé	Tuần 10	9/11 - 13/11/2026
		Ngày hội của cô giáo 20/11	Tuần 11	16/11 - 20/11/2026
4	**Ngành nghề (5 tuần)**	Bé yêu cô chú công nhân	Tuần 12	23/11- 27/11/2026
		Bé thích làm bác sỹ	Tuần 13	30/12 - 04/12/2026
		Nghề truyền thống địa phương	Tuần 14	07/12 - 11/12/2026
		Bé Bác Nông Dân	Tuần 15	14/12- 18/12/2026
		Cháu yêu chú bộ đội	Tuần 16	21/12-25/12/2026
5	**Thế giới động vật (4 tuần)**	Động vật nuôi trong gia đình	Tuần 17	28/12 - 01/01/2027
		Động vật sống dưới nước	Tuần 18	04/12 - 08/01/2027
		Động vật sống trong rừng	Tuần 19	11/01 - 15/01/2027
		Côn trùng và một số loại chim	Tuần 20	18/01 - 22/01/2027

6	**Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân (6 tuần)**	Bé vui đón tết	Tuần 21	25/01 -29/01/2027
		NGHỈ TẾT VÀ ÔN TẬP		01/02-12/02/2027 -
		Mùa xuân và các loại hoa	Tuần 22	15/02-19/02/2027
		Bé yêu cây xanh	Tuần 23	22 /02 - 26/02/2027
		Ngày vui 8/3	Tuần 24	01/03 - 05/03/2027
		Một số loại rau	Tuần 25	08/03 - 12/ 03/2027
7	**Phương tiện và quy định giao thông (4 tuần)**	Phương tiện giao thông đường bộ	Tuần 26	15/03-19/03/2027
		Quy định GT đường bộ	Tuần 27	22/03-26/03/2027
		Phương tiện và quy định giao thông đường thủy	Tuần 28	29/03-02/04/2027
		Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không.	Tuần 29	05/04-09/04/2027
8	**Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)**	Bé biết gì về nước	Tuần 30	12/04-16/04/2027
		Một số hiện tượng tự nhiên	Tuần 31	19/04-23/04/2027
		Mùa hè đến rồi	Tuần 32	26/04-30/04/2027
9	**Quê hương – Đất nước - Bác Hồ kính yêu(3 tuần)**	Diễn Châu quê hương em	Tuần 33	03/05-07/05/2027
		Nghệ An quê Bác- Du lịch Việt Nam	Tuần 34	10/5 - 14/5 /2027
		Bác Hồ kính yêu	Tuần 35	17/5 -21/ 5/2027
	Tổng		35 tuần	

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG TRẺ ĐỘ TUỔI: 4 - 5 TUỔI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-MNDC2 ngày ..... tháng 9 năm 2026 của Trường Mầm non Diễn Châu 2)

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiên	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:*** - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với trẻ - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ MG gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. ***b. Chăm sóc bữa ăn*** ** Trước khi ăn:* - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng VS trước và sau khi ăn; ** Trong khi ăn:* - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ ** Sau khi ăn:* - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung;		

	- Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc **** Trước lúc cho trẻ ngủ:*** - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). **** Trong khi ngủ*** - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác **** Sau khi thức dậy*** - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - NV nấu ăn	
3. Tổ chức vệ sinh	***a.Vệ sinh cô:*** - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ	Giáo viên và bảo vệ	

	- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm ***b. Vệ sinh cá nhân trẻ*** - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng. Giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. ***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp*** ** Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy;		

	- Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy VS đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ ** Xử lý rác và nước thải trong nhà trường* - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và	***a. Chăm sóc sức khỏe*** ** Khám sức khỏe* - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các		

an toàn	chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai- mũi- họng, răng- hàm- mặt, cơ- xương- khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe ** Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.* - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2026 và tháng 3/2027); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2026 và tháng 3/2027) - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp PH chăm sóc trẻ ***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:*** - Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. ***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm*** - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%) + Thuốc hạ sốt; OERSOL; Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương.	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn - Phụ huynh	

	+ Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. ***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp*** - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch bệnh. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật *(nếu có)*	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm hồ sơ cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất; + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp; + Khả năng nhận thức; + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026 -2027
ĐỘ TUỔI 4 -5 TUỔI

(Kèm theo Kế hoạch giáo dục nhà trường số...../KHGD-MNDC2 ngày ...tháng 9 năm 2026 của Trường Mầm non Diễn Châu 2)

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm hoc
Lĩnh vực phát triển thể chất	
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1.Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A. Trẻ trai + Cân nặng từ 14.4 - 23.5kg + Chiều cao từ 100.7 - 119.1 cm Trẻ gái+ Cân nặng từ 13.8 - 23.2 kg + Chiều cao từ 99.5 - 117.2 cm	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Ăn đủ chất dinh dưỡng P, G,L,VTM KNS: Trẻ có kỹ năng nhận biết các món ăn lợi ích ăn uống để phát triển chiều cao và cân nặng. - Trẻ có kỹ năng hiểu được chiều cao cân nặng bản thân so bạn cùng tuổi và biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 140-150 phút).Vệ sinh cá nhân, Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải. - Khám sức khoẻ định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
MT2. Trẻ biết tên một số thực phẩm cùng nhóm: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản:	- Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. Rau, quả chín có nhiều vitamin rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). Nhóm tực phẩm giàu Protit, Lipit, Gluxit, VTM và muối khoáng. - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. KNS : - Biết được các món ăn hàng ngày - Nhóm thực phẩm - Hoạt động chế biến món ăn

MT3. Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất giúp cơ thể tăng sức đề kháng phòng chống bệnh tật đặc biệt là dịch bệnh. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…
MT4.Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: vệ sinh cá nhân	- Tự rửa tay bằng xà phòng, . Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. KNS: Hoạt động thực tế lau mặt rửa tay.
MT5.Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. Có một số hành vi tốt trong ăn uống	-Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau… - Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xúc cơm, không đùa nghịch, không làm rơi vãi thức ăn. - Trong khi ăn không được khạc nhổ bừa bãi, ho , hắt hơi biết lấy tay che miệng, ngoảnh mặt ra ngoài. - Không dùng tay bốc thức ăn, không xúc thức ăn, cơm của mình bỏ vào bát của bạn. - Không uống nước lã. KNS: - Ăn uống văn minh –Lịch sự- trải nghiệm tiệc buffe
MT6.Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. - Luôn đeo khẩu trang khi ra khỏi nhà. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người KNS : Phòng bệnh cảm cúm, bệnh đầu mùa... - Trẻ có kỹ năng đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Kỹ năng Bỏ rác đúng nơi qui định. - Kỹ năng tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe
MT7.Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên	- Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ KNS: Hoạt động thực hành các dụng cụ nguy hiểm…

nghịch	
MT8. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Không theo người lạ. KNS: - Phòng tránh bắt cóc - Phòng tránh đi lạc đường, ghi nhớ số điện thoại người thân. - Kỷ năng thoát hiểm khi hỏa hoạn - Kỷ năng phòng ứng phó với kẻ gian khi ở nhà một mình. - Ăn uống văn minh
MT9.Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước…là nơi nguy hiểm, không được chơi gần	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. KNS: Phòng tránh đuối nước.
Phát triển vận động	
MT10. Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc / bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). ngửa người ra sau. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang

	trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. KNS: trẻ có kỹ năng tập thể dục sáng.
MT11. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.Trẻ kiểm soát được vận động: Đi – Chạy- Bật- Nhảy.	- Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. Chạy chậm 60 - 80m. - Đi bước lùi 3m - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60 - 80m. Bật - nhảy: - Bật liên tục về phía trước. Bật xa 35 - 40cm. Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. Bật qua vật cản cao10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m *** Trò chơi vận động:** - Bịt mắt bắt dê. - Mèo đuổi chuột. - Trời nắng trời mưa. - Cáo ở ngủ à. - Bánh xe quay. - Kẹp bóng bằng chân - Ai nhanh nhất - Chạy cướp cờ - Chạy tiếp sức - Giao lưu trò chơi vận động, giao lưu erobic
MT12.Phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung- Ném- Bắt – Bò- trườn- trèo	**- Tung, ném, bắt:** - Tung bóng lên cao và bắt. - Đập và bắt bóng tại chỗ.

	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp **Bò, trườn, trèo:** - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài * Trò chơi vận động: - Chuyền bóng. - Ném bóng vào rổ. - Ném bóng vào gôn. - Ném vòng cổ chai - Chuyền bóng - Kẹp bóng bằng bụng - Giao lưu trò chơi vận động, giao lưu erobic
MT13.Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Nhún chân. - Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
MT14.Trẻ thực hiện được các vận động:	- Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.
MT15.Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:	-Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.

	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối....
Giáo dục phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
MT16. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh Với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Quan sát, trò chuyện về thời tiết. + Quan sát trời mưa + Quan sát bầu trời. + Quan sát về: Cây xanh, hoa, quả, rau, củ, con vật... + Trải nghiệm với đá + Trải nghiệm với cát + Trải nghiệm gieo hạt...
MT17.Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Phối hợp các giác quan để xem xét đặc điểm bên ngoài của con vật: + Động vật trong gia đình + Động vật sống dưới nước + Động vật trong gia đình + Động vật trong rừng + Côn trùng và 1 số loại chim - Phối hợp các giác quan để xem xét đặc điểm bên ngoài của cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người: + Cây xanh + Một số loại rau. + Một số loại hoa + Một số loại quả * Ưng dụng Steam: Khám phá về chú gà + Khám phá về con cá + Khám phá vòng đời của con bướm Trò chơi câu cá, khám phá quả trứng Dự án hạt đỗ nảy mầm (Steam)

	- Khám phá sự phát triển của cây (Steam) - Khám phá một số loài hoa (Steam) - Khám phá con gà, con vịt (Steam)... - Vòng đời của cây , vườn cây thẳng đứng (STEAM) - Quét hạt, gieo hạt, nảy hạt, phân loại hạt …(Montestori) - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unís
MT18. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	-Xem tranh, xem sách và trò chuyện cùng nhau.
MT 19. Trẻ biết gọi tên,đặc điểm, công dụng, lợi ích của đồ vật, PTGT. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu (Đồ dùng, PTGT).	- Phối hợp các giác quan để xem xét đặc điểm bên ngoài, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, phương tiện giáo thông, từ đó phân loại chúng theo một hoặc hai dấu hiệu khác nhau: + Đồ dùng trong gia đình + Phương tiện và qui định giao thông đường bộ + Phương tiện và qui định giao thông đường thuỷ. + Phương tiện và qui định giao thông đường hàng không + Quan sát: Xe máy, xe đạp, ô tô... - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unís
MT20.Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	Mối quan hệ đơn giản của ánh sáng, nguồn nước, nắng mưa nóng lạnh trong sinh hoạt hàng ngày: + Sự kỳ diệu của nước + Mùa hè đến + Các hiện tượng tự nhiên. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm * Các hoạt động ứng dụng - Chuyển nước bằng phễu; rót nước từ ly trong sang ly đặc; rót nước từ ấm sang chén nhỏ; đổ nước đến vạch đánh dấu…(Montestori - khám phá sự kỳ diệu của nước(Steam) + Khám phá về những viên sỏi(Steam) + Sức mạnh của gió (Steam)

	Thí nghiệm vật chìm hay nổi, thả thuyền dưới nước (Steam) - Thí nghiệm lốc xoáy (Steam).. - Ánh sáng và bóng tối…(STEAM), Trò chuyện sáng theo phương pháp Unís
MT21.Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Trẻ làm các thí nghiệm đơn giản trong cuộc sống hàng ngày KNS: Biết được kết quả thí nghiệm
MT22. Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. Con vật, cây cối. Phương tiện giao thông	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con ngư - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu KNS: Kỹ năng chăm sóc con vật cây cối…
MT23.Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể .	- Nhận biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể: + Cơ thể bé và bạn + Các giác quan *Các hoạt động ứng dụng Khám phá cái mũi xinh (Steam) - Khám phá đôi mắt (Steam) - Khám phá cái miệng xinh (Steam) - Sự kỳ diệu của bàn tay (Steam)... - Ảo ảnh thị giác (STEAM), - Khám phá về các giác quan (STEAM), - Tay trái, tay phải …(Montestori Trò chuyện sáng theo phương pháp Unís
MT24. Một số hiện tự tượng nhiên: Thời tiết, mùa nước sõi đá cát	- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.

Khám phá xã hội	
MT25.Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Bé tự giới thiệu về mình - Cơ thể tôi và bạn
MT26.Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. - Những người thân trong gia đình - Các đồ dùng trong gia đình bé ở - Nhu cầu của gia đình
MT27.Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Trường Mầm non Diễn châu II thân yêu - Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT28.Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội .	- Biết tên các ngày lễ hội trong năm 20/11, - Bé vui đón tết trung thu. - Ngày hội của bà, của mẹ...(Ngày 20/10) - Ngày hội của cô giáo (Ngày 20/11) - Cháu yêu cô, chú bộ đội (Ngày 22/12) - Bé vui đón tết nguyên đán - Ngày vui của bà, của mẹ...(Ngày 08/03) - Biết thêm về lễ hội: Ngày hội bé đến trường, Lễ hội mừng xuân, tết thiếu nhi 1/6... - Danh lam thắng cảnh nổi tiếng của địa phương: Đền thờ An Dương Vương, Biển Diễn Thành, Hòn Lèn hai vai, Biển cửa rào... - Nhận biết lá cờ tổ quốc.
MT29 Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước -Đền thiện Diễn Ngọc.Đền Cả(Diễn Bích) Đình Phượng Lịch(Diễn Hoa)
MT30. Trẻ kể tên, công việc,	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý

công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương - Cháu yêu cô, chú công nhân - Cháu thích làm chú bộ đội - Nghề dịch vụ (Nghề bán hàng, nghề lái xe...) - Nghề giúp đỡ cộng đồng (Nghề bác sỹ, nghề công an...) -Nghề đánh bắt hải sản tại địa phương. - Nghề Làm muối(Diễn Bích) - Nghề làm trống(Diễn Hoa)
**** Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán***	
MT31.Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5-10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5-10 và đếm theo khả năng - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..). Số 2 tiết 1 Số 3 tiết 1, Số 4 tiết 1 Số 5 tiết
MT32.Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 2 (Số 2 tiết 2) - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3 (Số 3 tiết 2) - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4 (Số 4 tiết 2) - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 (Số 5 tiết 2)
MT33. Trẻ tách, gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn và đếm.
MT34.Trẻ sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Nhận ra con số, nhóm trong đối tượng 5, thực hiện theo thứ tự từ bé đến lớn.
MT35. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. Sử dụng được[1] dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi

tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Sắp xếp theo quy tắc 2-3 đối tượng(1:1:1); (2:2:1); (2:1:2)... - Nhận biết, so sánh chiều dài của 3 đối tượng. - Nhận biết, so sánh chiều cao của 3 đối tượng - Nhận biết, so sánh chiều rộng của 3 đối tượng - Nhận biết, so sánh độ lớn của 3 đối tượng - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .
MT36.Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,....).	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật
MT37.Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT38.Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
MT39 Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối thông qua các hoạt động nổi bật trong ngày(Sáng đi học, trưa ăn, ngủ, chiều về nhà, tối đi ngủ…)
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT40.Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng". Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ…	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT41. Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Nói, thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. - Trao đổi trả lời các câu hỏi với người khác về đồ dùng đồ chơi, các con vật và cây cối... - Nghe, sử dụng được các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.
MT42.Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu khác nhau- Sử dụng các từ biểu thị sự

	lễ phép.
MT43.Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao. -Trẻ biết tên, hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ..	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè ***Chủ đề Trường mầm non Diễn Châu 2 thân yêu*** - Thơ: Tình bạn (Trần Thị Hương), thư của bé (Hoàng thị dân); Gà học chữ, bé học toán, làm quen chữ số, tình bạn, trăng sáng, Giờ chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh) Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương); Bàn tay cô giáo, Cô giáo của con(Chu Huy), Bé tới trường; Cô giáo của em (Chu Huy); Trăng sáng. Bạn mới. Bé đến lớp. Giờ ăn, giờ ngủ, giờ chơi, Dung dăng dung dẻ, Lời chào. Truyện: món quà của cô giáo(Tú Anh), thỏ trắng biết lỗi, Ai quan trọng nhất, Ngày đầu đến lớp, Mèo con đi học, Nếu không đi học(Thu Hằng) Mỗi người một việc (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), Bạn tốt quá (Nguyễn Tú Ba). Mèo con và quyển sách(Trần Thị Thu) Quả Táo, Gà tơ đi học, Vì sao bé Bim nín khóc, Thỏ trăng đi học. ***Chủ đề Bản thân*** - Thơ: Tình bạn(Việt Quỳnh). Đôi tay của bé, Mắt để làm gì (Phạm Hổ) , Miệng xinh(Phạm Hổ); Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương);Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Đi nắng Phải là 2 tay (Phạm Cúc), Tâm sự của cái mũi (Lê Thu Hương); Cô dạy (Phạm Hổ); Ông mặt trời (Nguyễn Thị Bích Hiền), Cháu ngoan (Võ Thị Minh Tâm); Dán hoa tặng mẹ. Bé và mèo.Phải là hai tay(Phạm túc), Rửa tay(Phạm mai chi)Lên Bốn(Nhược thủy) Cảm Ơn(Nguyễn Thị Chung) - Truyện: Gấu con bị sâu răng (Phỏng theo lời dịch của Tạ Thị Liên)Gấu con chia quà; Bé và chuyện bao ny lông (Diệu an). Mỗi người một việc(Lê Thu Hương- lê Thị Đức) Bằng nhau thôi. Cậu bé mũi dài (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), ***Chủ đề gia đình*** - Thơ: Lấy tăm cho bà (Định Hải); Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến); Bó hoa tặng cô, Thăm nhà bà(Như Mao**);** Quạt cho Bà ngủ(Thạc Quỳ) Khách Cả nhà chống bão (Sưu tầm),.chiếc quạt nan. Đồng hồ quả lắc, Em là cô Giáo(Lê Thị Mai)Mẹ và

	con(Nguyễn Ba Đan) Cô giáo của con. - Truyện: Tích chu ; Cả nhà đều làm việc (Hạ Huyền) Kể truyện theo tranh về đồ dùng của gia Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan), Bó hoa tặng cô (Ngô Quân Miện). đình. Một bó hoa tươi thắm(Phạm Mai Chi) Ba cô Tiên(Nhược Thủy)Cô bé quàng khăn đỏ, Ai đáng khen nhiều hơn, Con yêu mẹ lắm(Phạm Minh Nguyệt) Ngôi nhà ngọt ngào(Trần Xuân Du)
	Chủ đề nghành nghề
	- Thơ: Đi bừa (Hoàng Dân), Các cô thợ (Thy Ngọc); Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao); Làm bác sỹ (Lê Ngân); Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ); Làm nghề như bố (Sưu tầm); Em làm thợ xây (Hoàng Dân), Chơi bán hàng. Làm họa sỹ dễ thôi (Tùng Bách)Cái bát xinh xinh(Thanh Hoa), xe chữa cháy.Làm nghề như bố, Ước mơ của bé.
	- Truyện: Thần sắt (Truyện cổ dân tộc Thái); Cô Bác sỹ tí hon (Thu Hằng), Sự tích quả dưa hấu (Truyện cổ Việt nam); Cả nhà đều làm việc (Hạ Huyền); Ba chú lợn nhỏ (Truyện nước ngoài).Bác sỹ chim(Tuyến Chi kể) Người làm vườn và các con trai. Niềm vui từ bát canh rau cải, cả nhà đều làm việc.
	Chủ đề Những con vật đáng yêu
	- Thơ: Em vẽ (Hoàng Thanh Hà); Con trâu(Cao Xuân Thái); Chú bò tìm bạn (Phạm Hổ); Gà nở (Phạm Hổ); Chim chích bông (Nguyễn Viết Bình); Nhà Bác trống tía (Nguyễn Ngọc Hưng); Gà mẹ đếm con (Nguyễn Duy chế);; Chú cua càng (Thanh Thản); Ếch con học bài(Phạm Thị Lan); Chuồn chuồn (Phạm Hổ); Mèo con (Phùng Phương Quý)Ong và kiến lửa, Ong và bướm(Nhược Thủy) Rong và cá(Phạm hổ) Mười quả Trứng tròn, Thi Chạy(Cao Xuân Thái)
	- Truyện: Dê con nhanh trí; Cáo thỏ gà trống (Thu Thuỷ); Gấu con ngủ đông (Truyện nước ngoài); Mèo lại hoàn mèo (Truyện ngụ ngôn Việt Nam); Gà trống và vịt (Truyện dân gian Châu Phi); Vì sao bụng chuồn lại kẹp lép (Truyện dân gian Châu Phi) ; Con gà trống kiêu căng (Sưu tầm). Chim con và gà con Bác gấu đen và 2 chú thỏ, Ba chú lợn con(Tạ

	huy Long) Chú dê đen, Bác sỹ chim(Nhược Thúy) Sẻ con đáng yêu(Nguyễn Thanh Trang) Đàn ngỗng trời. Kể chyện sáng tạo.
	Chủ đề Thực vật- tết- Mùa xuân - Thơ: Hoa mào gà (Thanh Hà); Hoa đào (Mai Văn Hải); Cây bàng (Xuân Quỳnh); Dừa (Phạm Hổ); Vè trái cây (Nguyễn Thị Vui); Na (Phạm Hổ); Rau lang, rau muống(Phạm Hổ); Bác bầu, bác bí (TMN Ngọc Lan II).;Hoa kết Trái (Thu Hà); Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên); Hồ sen. Cây dây leo, Bó hoa tăng cô(Vương quân Miện) Dán hoa tặng mẹ(Khải minh) Hoa kết trái(Thu Hà) Rau ngót rau đay(Hồng Thu) Mẹ và cô(Trần Quốc toàn) Truyện: Con hãy đợi rồi sẽ biết ; Trái cây trong vườn; Cây táo thân; Cây rau của thỏ út; Sự tích hoa mào gà Chuyện của hoa phù dung (Nguyễn Thái Vân), Sự tích cây khoai lang (Theo báo họa mi).Nỗi đau của lá (Sưu tầm) Sự tính quả dưa hấu(Truyền thuyết VN) Hoa râm bụt(Xuân quỳnh) Bé Hành đi khám bệnh. Nhổ củ cải(Dân gian Nga) Củ cải trắng(Vũ Thị Kim Oanh) Cây táo thần(Thanh Hương) Bí con thoát nạn, Sự Tích ngày tết(Bính Nga) Chú đỗ con,Niềm vui từ bát canh cái. Hạt đỗ sót(Xuân Quỳnh) - Kể chuyện sáng tạo ***Chủ đề Phương tiện giao thông*** - Thơ: Xe chửa cháy(Phạm Hổ), Đèn đỏ đèn xanh(Định Hải), Xe đổ rác(Sưu tầm); Xe Cần cẩu (Nguyễn Đức), Thuyền Giấy(Sưu tầm), Đoàn tàu lăn bánh(tạ Hữu Yên), Đàn kiến nó đi (Định Hải), Bé tập đi xe đạp; Em yêu đường sắt quê em, Giúp bà (Hoàng Thị Phảng), Chú cảnh sát giao thông Sưu Tầm); Con rắn thép (Nguyễn Quỳnh Thi), Bé và mẹ (Lương Thị Xiêm); Đèn giao thông (Mỹ Trang); Đường em đi (Ngô Quốc Tính) Đèn báo (Nguyễn Lãm Thắng) Con đường của bé(Thanh Thảo) Đoàn tàu lăn bánh(Tạ hữuYên) Đi chơi Phố(Thái Hoàng Linh) - Truyện: Kiến thi ATGT. Kiến con đi xe ô tô (Phạm Mai Chi ST) Một chuyến thăm quan (Phạm Ngọc Cải) Cái hồ bên đường(sưu tầm) Thỏ con sang đường.Qua Đường(Vũ Lâm Minh Trung)

	Chủ đề Nước và các hiện tượng tự nhiên - Thơ: Gió (Đặng Hấn)Trưa hè (Dạ Thảo) , Mùa hè của em(Tuyết Hoa phỏng Trăng ơi từ đâu đến(Trần Đăng Khoa), Ông mặt trời, trăng sáng(Nhược Thủy- Phương Hoa), Mùa hạ tuyệt vời(Phạm Hưng Long) Nắng thua em rồi (Sưu tầm), khi cơn bão đến (Sưu tầm), Cầu vồng (Phạm Hổ); Ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiền), Mùa hè của em (Tuyết Hoa); Nắng bốn mùa (Mai Anh Đức); Trong Nắng (Ninh Đức Hậu); Chị Gió (Đoàn Vị Thượng); Nước (Vương Trọng). Mưa(Nguyễn Diệu) -Truyện: Cô mây; Hồ nước và đám mây; Đám mây đen xấu xí; Cóc kiện trời. Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh) có cô con út của ông mặt trời Thỏ con và mặt trăng ***Chủ đề Quê Hương- Đất Nước - Bác Hồ*** - Thơ: Ai dậy sớm(Võ Quảng), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Bác Hồ của em(Phan Thị Thanh Nhàn), Em yêu miền nam, Ảnh Bác(Trần Đăng Khoa), Quê em vùng biển, Buổi sáng; Bác thăm nhà cháu; Em vẽ Bác Hồ, Em yêu nhà em (Đoàn Thị Lam Luyến), Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao); Quê em (Trần Đăng Khoa); Ngôi nhà (Tô Hà); Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu) Em vẽ Bác Hồ(Thy Ngọc) - Truyện: Quả táo của Bác Hồ; Thế là ngoan (Tuyển tập thơ, ca, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non theo chủ đề)Sự tích Hồ Gươm (Truyền Thuyết VN); Chuyện Ông gióng(Truyện cổ VN) sự tích bánh chưng bánh dày. Ai ngoan sẽ được thưởng(Tụy Phương, Thanh Tỳ)
MT44.Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Kể lại truyện đã được nghe.
MT45. Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp Đóng kịch.
MT46. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cám ơn, xin lỗi trong giao tiếp. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp - Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe

	có thể hiểu được, phù hợp tình huống giao tiếp. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
MT47. Trẻ Biết chọn sách để xem. Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen cách sử dụng sách, cách đọc sách (hướng đọc từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ các dấu, phân biệt đầu, kết thúc của sách). - "Đọc" chuyện qua sách tranh/ tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vè sách. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Kỹ năng sử dụng bút; kỹ năng cầm sách đúng chiều; kỹ năng giở sách…(Montessori)
MT48. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	- Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "đọc" sách theo tranh minh họa "đọc vẹt". - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ
MT49.Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	Tập viết nghệch ngoặc các nét, có thể tập tô các nét chữ, tập đồ các nét chữ cái in rỗng làm thiệp, làm vé tài, giá tiền... Nhận dạng một số chữ cái quen thuộc với trẻ.
Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội	
MT50.Thể hiện điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	-Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT51. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	- Thực hiện hoàn thành công việc được người lớn giao như: Xếp bàn ghế, cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định, chia giấy vẽ.. - KNS : Kỹ năng lấy cất đồ chơi
MT52. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT53. Nhận ra hình ảnh Bác	- Kính yêu Bác Hồ.

Hồ, lăng Bác Hồ. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
MT54. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Cảnh đẹp biển cửa lò, khu di tích lịch sử .Biển Diễn Thánh. Đền cuông, quê Bác, quảng trường HCM...
MT55. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định, trật tựu khi ăn, khi ngủ... - Ở gia đình : Yêu mến Ông Bà, Bố Mẹ, Anh, Chị, Em, vâng lời ông bà, bố mẹ, mời trước khi ăn, xin phép trước khi đi và chào hỏi khi về…. - Đi bộ đi bên phải đường, đi bên lề đường, ngồi trên xe máy phải đội mũ bảo hiểm..
MT56. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Lăng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - KNS: Kỷ năng chào hỏi - KNS: Dạy trẻ biết nói lời yêu thương, cảm ơn. - Lắng nghe bố mẹ, ông bà, cô giáo và các bạn nói trong ki giao tiếp. - Lăng nghe ý kiến của người khác trong các hoạt động tập thể. - Chờ đến lượt, hợp tác.
MT57. Trẻ biết quan tâm và bảo vệ môi trường sống. Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc, không bẻ cành, bứt hoa.	- Giữ gìn bảo vệ môi trường: Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Giũ gìn đồ dùng đồ chơi, chơi xong cất đồ chơi đúng nơi quy định.
MT58. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Có hành vi tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt: Tắt điện, quạt khi đi ra ngoài, nước mở vừa đủ không đê tràn ra ngoài. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Bỏ rác đúng nơi qui định. KNS: Tiết kiệm nước trong sinh hoạt - Hành động đúng sai
Lĩnh vực phát triển thẩm mĩ .	
MT59. Trẻ chú ý nghe, thích	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu

thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	nhi, dân ca). - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT60. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT61. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạcVui sướng, Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc **Chủ đề Trường mầm non Diễn Châu II Thân yêu** -Dạy hát + vận động: Trường chúng cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên), Hoa trường em (Dương Hưng Bang), Rước đèn dưới trăng (Phạm tuyên) biểu diễn cuối chủ đề Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên), Chào hỏi khi về (Nhạc hàn Quốc) ; Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền); Đu quay (Mộng Lân); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Vui đến trường (Hồ bắc); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch); Rước đèn (Đỗ Mạnh Thường) ; Ông trăng tròn. - Nghe hát: Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân); Trường mẫu giáo yêu thương (Hoàng Văn Yến); Bàn tay cô giáo (Phạm Tuyên); Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên).Ánh Trăng hòa Bình, Ngày đầu tiên đi học,(Nguyễn Ngọc Thiện) Cô Giáo(Đỗ Mạnh Thường) **Chủ đề bản Thân** - Dạy hát + vận động: Cái mũi (nhạc Anh), Càng lớn càng ngoan (Đức Bằng), Nắm tay thân thiết (Nhạc nước ngoài), Mời bạn ăn (Trần Ngọc) Hãy xoay nào, Bạn có biết tên tôi ? (Lê Đức- Thu Hiền) Mừng sinh nhật(Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc Dung) Cả tuần đều ngoan (Phạm Tuyên); Tập đếm (Hoàng Sửu); Tìm bạn thân (Việt Anh); Tập rửa mặt (Hồng Đăng); Bạn ở đâu (Lê Đức – Thu Hiền). Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo). Múa cho mẹ xem(VĐ múa) Tay thơm tay ngoan, - Nghe hát: Đường và chân (Hoàng Long); Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Phạm Tuyên); Sinh nhật Hồng

	(Lê Quốc Thắng) ; Ngôi sao nhỏ (Trương Quang Lục). Bông hồng nhoe(Trịnh Công Sơn) Thật đáng chê(Việt Anh) - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề **Chủ đề Gia đình** - Dạy hát + vận động: Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ); Mẹ đi vắng (Trịnh Công Sơn) ; Nhà của tôi (Thu Hiền); Cháu yêu bà (Xuân Giao). Con chim vành khuyên (Hoàng Vân). Bé quét nhà(Hà Đức Hậu) Chiếc khăn tay, Ông chau(Phong NHã) Cả nhà đều yêu - Nghe hát: Bố là tất cả (Thập Nhất); Khúc hát ru của người mẹ trẻ; Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo). Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục), Ru em (Dân ca Xê đăng); Bà thương em (Bùi Đình Thảo); Cho con (Phạm Trọng Cầu); Tổ ấm gia đình, Mẹ ơi có biết, Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề **Chủ đề Ngành Nghề** - Hát + vận động(vỗ tay theo nhịp, đung đưa người theo nhịp): Chú bộ đội đi xa (Hoàng Vân); Cháu yêu cô chú công nhân(Hoàng Văn Yến).; Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Chú bộ đội (Hoàng Hà). Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến). Cô giáo miền xuôi(Mộng Lân) Bac đưa thư vui tính(Hoàng Lân) Lớn lên cháu lái máy cày, Cháu vẽ ông mặt trời, Cháu yêu cô chú công nhân, - Nghe hát: Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu); Hạt gạo làng ta (Trần Viết Bính). Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân); Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo). Anh phi công ơi(Xuân giao- Xuân Quỳnh) Đưa cơm cho mẹ em đi cày, Hạt gạo làng ta, Đi cấy, Mùa áo chú bộ đội, Xe chỉ luồn kim. - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề **Chủ đề Những con vật đáng yêu** - Dạy hát + vận động: Gà trống mèo con và cún con (Thế Vinh); Cá vàng bơi (Hà Hải); Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê); Con chim non (Dân ca Pháp); Đố bạn (Hồng Ngọc); Một con vịt (Kim Duyên); Thật là hay (Hoàng Lân); Thương con mèo (Huy Du); Vì sao chim hay hót (Hà Hải). Gà gáy le te, Voi làm xiếc,Vì sao mèo rửa mặt, Một con vịt, Con mèo ra bờ sông(Hoàn

	Hậu) - Nghe hát: Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền); Gà gáy(Dân ca Cống Khao – Lai Châu); Lý con khỉ (Dân ca nam bộ); Lý con sáo sang sông (Dân ca nam bộ).Chim mẹ chim con, Cò lả, Gà gáy le te, Chú ếch con Chú voi con. - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề **Chủ đề Thế giới thực vật- tết – Mùa Xuân** - Dạy hát + vận động: Màu hoa (Hồng Đăng); Sắp đến tết rồi (Hồng vân); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); Em yêu cây xanh (Hoàng Văn yến); Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên); Lá xanh (Thái Cơ); Mùa xuân (Hoàng Văn Yến); Cô và mẹ (Phạm Tuyên)Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu). Ngày vui 8/3, Hoa trường em, Lá xanh - Nghe hát: Lý cây bông (Dân ca nam bộ); Cây trúc Xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn); Mùa Xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Lý cây đa (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Ru em (Dân ca Xê Đăng); Cho con (Phạm Trọng Cầu). Xòe hoa. - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề **Chủ đề phương tiện giao thông** - Dạy hát + vận động: Đèn đỏ đèn xanh (Lương Vĩnh). Đi đường em nhớ (Nguyễn Thị Thanh);Lái máy bay (Xuân Giao); Đường em đi (Ngô Quốc Tính); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn yến). Đoàn tàu nhỏ xíu(Mộng Lân) Em đi chơi thuyền(Trần kiết Tường) Đường và chân, - Nghe hát: Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến); Bố là tất cả, Bạn ơi có biết, Anh phi công ơi - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề **Chủ đề nước và các hiện tượng tự nhiên** - Dạy hát + vận động: Đếm sao (Văn Chung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Mây và gió (Minh Quân); Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền); Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai); Sau mưa (Lương Ngọc Hoàn); Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Mùa hè đến(Nguyễn Thị Nhung)

	- Nghe hát: Mưa rơi (Dân ca xá); Bèo dạt mây trôi (Dân ca quan họ Bắc Ninh) Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Chỉ có trên đời, Lý cây đa. - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề **Chủ đề quê hương- Đất Nước- Bác hồ** - Dạy hát + vận động: Yêu Hà nội (Bảo Trọng), Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu)Lá cờ nhỏ(Việt Phương) Múa Đàn(Dân ca thái) Yêu hà nội, Hòa bình cho bé, - Nghe hát: Quê hương (Giáp Văn Thạch); Ai yêu Bác Hồ chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng (Phong nhã); Nhớ giọng hát Bác Hồ (Thanh Phúc); Việt Nam quê hương tôi .Dân ca địa phương, Em đi giữa biển vàng, Xòe hao(Dân ca Thái) Từ rừng xanh cháu về thăm lăng bác. Múa vui(Dân ca....) - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề * Trò chơi âm nhạc: - Vòng tròn tiết tấu - Bước nhảy vui nhộn - Vận động theo nhịp điệu - Vũ điệu hóa đá - Tiết tấu vui nhộn. -Nhịp điệu âm nhạc sam sam - Đấm Lưng theo nhạc. - Bước nhảy vui nhộn - Những nốt nhạc vui. - Rung chuông vàng - Khiêu vũ - Hát theo hình vẽ - Vũ điệu sôi động - Nghe thấu hát tài - Ô cửa bí mật
MT62.Có kỹ năng biểu diễn thể hiện tự tin khi biểu diễn.	- Biết cách thể hiện các tiết mục văn nghệ theo hướng dẫn - Tự tin khi thể hiện trên sâu khấu hoặc trước mọi người. - Biết chọn dụng cụ khi thể hiện các bài hát KNS: Trẻ có kỹ năng biểu diễn trên sân khấu.

MT63.Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé để tạo sản phẩm	+ Cắt, dán đồ chơi + Cắt, dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc. + Cắt, dán bông hoa trang trí cửa sổ. + Cắt dán cái thang cho chú công nhân + Cắt dán trang trí bình hoa tặng cô giáo. + Xé, dán con vật sống dưới nước + Cắt, dán động vật sống trong rừng. + Xé dán trang trí bình hoa tặng cô giáo + Xé dán quả. + Cắt, dán máy bay trực thăng. + Xé, dán mặt trời và những đám mây. + Xé, dán theo chủ đề. + Dán con thuyền quê em
MT64. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	+ Vẽ, các cây hoa trong trường mầm non. + Tô màu cô giáo. + Vẽ tô mầu đồ chơi + Tô màu vòng đeo cổ + Vẽ người thân trong gia đình. + Vẽ ngôi nhà + Vẽ trang trí cái cốc. + Vẽ tô màu chú cảnh sát giao thông + Vẽ con mèo + Vẽ tô màu con bướm + Vẽ tranh theo chủ đề thế giới động vật. + Vẽ vườn hoa mùa xuân + Vẽ tranh theo chủ đề. + Vẽ tô màu tàu hỏa. + Vẽ tô màu ô tô. + Vẽ tranh theo chủ đề + Vẽ Phương tiện mà e thích + Vẽ tô màu cảnh mùa hè + Vẽ chiếc ô + Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích.

	+ Vẽ tranh theo đề tài
MT65. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	+ Trang trí áo bé trai, bé gái + Làm thiệp chúc mừng cô giáo. + Làm quà tặng cô giáo. + Trang trí khung ảnh gia đình gia đình của bé. + Gấp quạt giấy. + Làm đồ dùng, dụng cụ của chú bộ đội. + Làm con vật từ các nguyên vật liệu. + Làm thiệp chúc mừng ngày 8/3. + Gấp hoa sen + Tạo hoa bằng dấu vân tay. + Vẽ theo chủ đề. + Gấp và dán máy bay. Máy bay, thuyền + Làm ô tô. + Gấp thuyền. + Làm mưa ngũ sắc. + Làm phao bơi. + Trang trí khung ảnh Bác Hồ + Trang trí dây hoa chào mừng ngày 30/4- 1,5 bằng dấu vân tay
MT66. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. KNS: Trẻ có kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét KNS:Trẻ có KN phối hợp nguyên liệu tạo ra sản phẩm

MT67.Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo sản phẩm	+ Nặn quà tặng bạn + Nặn búp bê mặc váy + Nặn quà tặng bà, tặng mẹ... + Nặn cái bát. + Nặn cái ấm + Nặn đồ chơi bé thích. + Nặn đồ dùng gia đình(Đò dùng để ăn, đồ dùng để uống) + Nặn bông hoa. + Nặn các loại quả trò , quả dài. + Nặn các loại bánh. + Nặn theo chủ đề.
MT68. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích - Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. - Nhận xét sản phẩm tạo hình của bạn của bản thân. - Đặt tên cho sản phẩm của mình KNS: Trẻ có kỹ năng cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. - Kỹ năng đặt tên cho sản phẩm của mình và của bạn. - Kỹ năng nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích của bản thân.
MT69.Trẻ có ý tưởng trong hoạt động tạo hình, tạo ra sản phẩm theo ý thích	Nói ý tưởng trong hoạt động tạo hình, tạo ra sản phẩm theo ý thích
MT 70. ***Giáo dục tăng cường tiếng Anh:*** Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc. - Nghe và nhận diện, nhận biết được được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật,	*Ôn luyện củng cố bài học cho trẻ* ** Chủ đề Trường mầm non:* - Từ vựng: crayon → bút màu table → cái bàn pencil → bút chì bag → cặp/túi pen → bút mực chair → cái ghế - Cấu trúc: What is this? It's a … → Đây là gì? Nó là - Bài hát: School things ** Chủ đề Bản thân:*

hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa - Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng khi xem tranh minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi trong phạm vi từ vựng được làm quen; .	- Từ vựng: Happy → Vui vẻ, Sad → Buồn, Good → Khỏe/ổn, Great → Tuyệt vời, Sleepy → Buồn ngủ - Cấu trúc: How are you? I'm happy → Bạn thế nào? Tôi vui. How are you? I'm sad → Bạn thế nào? Tôi buồn. How are you? I'm good → Bạn thế nào? Tôi khỏe. How are you? I'm great → Bạn thế nào? Tôi tuyệt vời. How are you? I'm sleepy → Bạn thế nào? Tôi buồn ngủ. - Bài hát: Hello Song ** Chủ đề Gia đình:* - Từ vựng: Mom (Mẹ); dad (bố); baby (em bé); Grandpa (Ông); Grandma (Bà); Brother (Anh/em trai); sister (Chị/em gái); family (Gia đình) - Cấu trúc: "Ilovemygrandpa/grandma/\nbrother/sister ...."(Tôi yêu ông/bà/\nanh/chị/em.... của tôi) - Bài hát: Finger song ** Chủ đề Ngành nghề:* - *Từ vựng:* Window (cửa sổ); Ruler (thước) One pencil (một cái bút chì); two pencils (hai cái bút chì) three pencils (ba cái bút chì); four books (bốn cuốn sách) five books (năm cuốn sách) - *Bài hát:* One two three song (bài hát 1,2 ,3) Pencil song (bài hát về bút chì) ** Chủ đề Động vật:* - Từ vựng: cat → con mèo duck → con vịt dog → con chó horse → con ngựa sheep → con cừu cow → con bò - Cấu trúc: Animals bird → con chim What animal is it? It's a … → Đây là con gì? Nó là con … - Bài hát: Animals song ** Chủ đề Thực vật:* - Từ vựng: Eggplant → cà tím, Carrot → cà rốt, Pumpkin → bí ngô, Tomato → cà chua - Cấu trúc: What is it? It's an eggplant → Nó là gì? Nó là một quả cà tím. What is it? It's a carrot → Nó là gì? Nó là một củ cà rốt. What is it? It's a pumpkin

	→ Nó là gì? Nó là một quả bí ngô. What is it? It's a tomato → Nó là gì? Nó là một quả cà chua. - Bài hát: The vegetables song ** Chủ đề giao thông:* - Từ vựng: Airplane → máy bay, Bus → xe buýt, Train → tàu hỏa, Taxi → xe taxi, Truck → xe tải, Car → ô tô, Bike → xe đạp - Cấu trúc: What do you see? I see an airplane → Bạn thấy gì? Tôi thấy một chiếc máy bay. What do you see? I see a bus → Bạn thấy gì? Tôi thấy một chiếc xe buýt. What do you see? I see a train → Bạn thấy gì? Tôi thấy một chiếc tàu hỏa. What do you see? I see a taxi → Bạn thấy gì? Tôi thấy một chiếc taxi. What do you see? I see a truck → Bạn thấy gì? Tôi thấy một chiếc xe tải. What do you see? I see a car → Bạn thấy gì? Tôi thấy một chiếc ô tô. What do you see? I see a bike → Bạn thấy gì? Tôi thấy một chiếc xe đạp. - Bài hát: The Vehicles Song ** Chủ đề Nước hiện tượng tự nhiên:* - Từ vựng: Sunny → nắng, Rainy → mưa, Cloudy → nhiều mây, Windy → có gió, Snowy → có tuyết, Foggy → có sương mù, - Cấu trúc: How's the weather? It's sunny → Thời tiết thế nào? Trời nắng. How's the weather? It's rainy → Thời tiết thế nào? Trời mưa. How's the weather? It's cloudy → Thời tiết thế nào? Trời nhiều mây. How's the weather? It's windy → Thời tiết thế nào? Trời gió. How's the weather? It's snowy → Thời tiết thế nào? Trời có tuyết. How's the weather? It's foggy → Thời tiết thế nào? Trời sương mù. - Bài hát: How's the weather? ** Chủ đề Quê hương, Đất nước, Bác Hồ:* **- Từ vững:** Triangle, Circle → Hình tam giác, Hình tròn Heart, Square → Hình trái tim, Hình vuông Star, Rectangle → Ngôi sao, Hình chữ nhật Letter N: Nose → Chữ N: cái mũi Letter O: Orange → Chữ O: quả cam

	- Bài hát: What shape is it? (nó có hình dạng gì?)
MT 71. Tin học: Tin học: Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính. Môn năng khiếu: Múa và Erobic. Biết múa 6 thế tay, 6 thế chân cơ bản và di chuyển đội hình.	Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính…
MT 72. Aerobic: - Trẻ tập được các động tác đơn, động tác liên kết và làm quen với các động tác phối hợp, di chuyển đội hình, 7 động tác cơ bản Aerobic, làm quen với cách di chuyển và tự tin biểu diễn trước đám đông.	*- Ôn luyện củng cố bài học cho trẻ* -Diễu hành, chạy bộ, nhảy co duỗi, lắc hông, đánh tay: Rước đèn tháng tám, Vui đến trường, Đi học - Nâng gối, đá chân, động tác kết hợp, diễu hành vỗ tay, chạy bộ đánh tay: Pikachu, Em bé khoẻ em bé ngoan - Đá chân, nhảy cách quảng, dẻo lưng, dẻo lườn, di chuyển ngón chân: Bông hồng tặng cô, Nhà mình rất vui - Tách khép chân Jack, kết hợp chạy bộ và chạy co duỗi, dẻo bụng: Jingle bell mix, Anh phi công ơi - Nhảy chéo chân trước sau Lunge, kết hợp nhảy co duỗi nâng gối, xoạc ngang: Liên khúc chú ếch con và con cào cào, Baby shark - Nâng đầu gối kết hợp đá chân, thăng bằng ngang, thăng bằng đứng, nhún bước ngang: Quả gì, Chúc tết, Happy new year - Kết hợp di chuyển bằng ngón chân và vũ đạo tay, kết hợp tách ngang và nhảy trước sau: Chiếc thuyền nan, Anh phi công ơi - Kết hợp tách ngang và nhảy trước sau, xoạc dọc, dẻo lưng, tư thế quỳ: Supermen (nhạc thái), Nắng sớm, Gummy bear - Động tác nằm uốn dẻo, trường dẻo, chân kết hợp vũ đạo tay: Những lá thuyền ước mơ, Ponytail, Dựng bài cuối năm.